

Bản án số: 73/2022/HS - ST

Ngày: 14 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Sỹ Ba

Bà Ngô Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56 /2022/HSST ngày 18/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69 /2022/HSST - QĐ ngày 31/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T - sinh năm 1982

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E (đã chết) và bà Lê Thị D; có vợ là Nguyễn Thị Nh và 02 con.

Nhân thân: Ngày 06/5/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 36 tháng tù giam về tội Đánh bạc.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị can bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Quảng Xương.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị N - sinh năm 1953

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn C và 07 con; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Q - sinh năm 1998

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Lê Văn Đ và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị N - sinh năm 1987

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N; có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thị H - sinh năm 1971

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Trần Thị K; có chồng là Trần Văn H (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Thị L - sinh năm 1987

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Trần Thị K; có chồng là Vũ Văn X và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

7. Đậu Thị H - sinh năm 1992

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đậu Văn X và bà Lê Thị N; có chồng là Hồ Sỹ T và 02 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Văn G - sinh năm 1949

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có vợ là Trần Thị K và 07 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Thị H - sinh năm 1972

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Trần Thị K; có chồng là Trần Văn P và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

10. Trần Văn P - sinh năm 1973

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị C (đã chết); có vợ là Lê Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Văn M - sinh năm 1988

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị D; có vợ là Dương Thị N và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

12. Trần Văn Đ - sinh năm 1992

Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần Văn C và bà Lê Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N và 01 con; tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/3/2022 đến ngày 29/3/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 26/3/2022 Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, ông Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ tập trung tại nhà vợ chồng Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị N để ăn lẩu. Đến 13 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong T rủ cả bọn “anh em tập trung chơi mấy ván xóc đĩa cho vui” thì tất cả đều đồng ý. Sau đó T đi bộ sang nhà bà Nguyễn Thị N ở cùng thôn, đối diện nhà T để mượn nhà cho các đối tượng chơi bạc, khi gặp bà N, T nói “cho cháu mượn nhà bà cho mấy anh em đánh xóc đĩa một lúc, xong cháu cho bà 300.000đ”, bà N đồng ý. T về nhà cắt 04 quân vị từ cây bài tú lơ khơ rồi lấy 01 chiếc chiếu cói, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và dẫn nhóm Q, H, L, G, M, H, P, H, Đ, N sang nhà bà N để cùng chơi bạc. Đến nơi T trải chiếu xuống gian trước nhà rồi ngồi xuống chiếu trực tiếp xóc cái đánh bạc cùng cả bọn. Trước khi chơi T thống nhất số tiền đặt cửa tối thiểu là 50.000đ, tối đa 200.000đ; sau 05 ván sẽ thu của người chơi mỗi người 10.000đ, tất cả đều đồng ý; bà N ở nhà khoảng 15 phút, sau đó do có công việc nên đi ra ngoài. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ dưới chiếu bạc 22.260.000đ, và 700.000đ tiền hồ, 04 quân vị được cắt từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng. Lợi dụng lúc đang đông người lộn xộn Trần Văn Đ ném tiền lại chiếu bạc rồi trốn về nhà, bà Nguyễn Thị N không có mặt lúc Công an vào bắt quả tang. Do sợ bị phát hiện, ngày 27/3/2022 Trần Văn Đ đã đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã triệu tập, làm việc với bà Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Nguyễn Văn T đem theo khoảng 5.000.000 đ sử dụng cả để đánh bạc; Nguyễn Thị Q đem theo khoảng 1.000.000đ sử dụng để đánh bạc; Nguyễn Thị N đem theo khoảng 1.400.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Lê Thị H đem theo khoảng 520.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Lê Thị L đem theo khoảng 700.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Đậu Thị H đem theo khoảng 1.300.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Lê Văn G đem theo khoảng 2.000.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Lê Thị H đem theo khoảng

1.800.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Trần Văn P đem theo khoảng 1.200.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Nguyễn Văn M đem theo khoảng 1.000.000đ sử dụng cả để đánh bạc; Trần Văn Đ đem theo khoảng 300.000đ sử dụng cả để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang các bị can chưa xác định được thắng, thua, Nguyễn Thị N cũng chưa nhận được tiền hồ từ chiếu bạc.

Tổng số tiền các bị cáo khai đem đi để đánh bạc là 16.220.000đ, số tiền còn lại là 6.740.000đ không có bị cáo nào nhận, quá trình điều tra xác định ngoài 11 bị cáo tham gia đánh bạc thì không còn ai khác tham gia cùng, các bị cáo đều thừa nhận số tiền trên thu giữ tại vị trí các bị cáo đánh bạc, do đó các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N đều phải chịu trách nhiệm chung với số tiền đánh bạc là 22.960.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 1306/KL - KTHS ngày 05/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa kết luận: 152 tờ tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật. Tại biên bản bắt quả tang Cơ quan CSĐT công an huyện Quảng Xương đã tạm giữ, niêm Png liệt kê loại tiền, số tiền tang vật tại chiếu bạc gồm: 16 tờ tiền mệnh giá 500.000đ; 56 tờ tiền mệnh giá 200.000đ; 22 tờ tiền mệnh giá 100.000đ; 17 tờ tiền mệnh giá 50.000đ; 30 tờ tiền mệnh giá 20.000đ; 11 tờ tiền mệnh giá 10.000đ. Tổng số tiền bắt quả tang là 22.960.000đ; tuy nhiên trong quá trình lập biên bản phạm tội quả tang và biên bản niêm Png tang vật tổng số tiền thể hiện trong biên bản thiếu 500.000đ, chỉ ghi số tiền tang vật 22.460.000đ, số tiền chênh lệch là do sai sót trong kiểm đếm không thay đổi so với số tiền thực tế số tiền đã niêm Png nên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Hình thức đánh bài xóc đĩa thắng thua bằng tiền như sau: Dùng 01 bộ bát đĩa bên trong có bỏ 04 quân vị hình tròn có 02 mặt khác màu nhau; Khi chơi người cầm cái bỏ 04 quân vị vào đĩa rồi úp bát và nâng bát đĩa lên xóc đều các quân vị bên trong; những người còn lại tham gia đánh bạc với người xóc cái bằng cách đặt tiền vào cửa chắn, hoặc cửa lẻ ít nhất từ 50.000đ tới đa 200.000đ. Cách tính chắn là có 02 quân vị sấp, 02 quân vị ngửa, hoặc cả 04 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa; lẻ là có 03 quân vị sấp, 01 quân vị ngửa, hoặc 03 quân vị ngửa, 01 quân vị sấp. Người cầm cái sẽ lấy tiền của những người thua và trả cho những người thắng theo đúng số tiền những người chơi đã đặt trong ván xóc đĩa đó. Trường hợp số lượng tiền đặt cược của bên cửa thắng cao hơn bên cửa thua, thì sau khi đã lấy tiền của bên cửa thua trả cho người thắng mà không đủ thì người xóc cái lấy tiền của mình trả cho người thắng còn lại. Nếu lượng tiền đặt cược của bên cửa thắng ít hơn bên cửa thua, thì sau khi cân lượng tiền trả cho người thắng, số tiền còn lại người xóc cái được nhận về.

Số tiền 22.260.000đ tiền thu dưới chiếu bạc, quá trình điều tra xác định là tiền các bị can dùng để đánh bạc và 700.000đ tiền hồ thu của các con bạc là số tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 04 quân vị được cất từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng là công cụ phương tiện để các bị can thực hiện tội phạm không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số 78/CTr - VKSQX ngày 14/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Tổ chức đánh bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 và tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Bị cáo Nguyễn Thị N bị truy tố về tội: "Gá bạc" theo điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS. Các bị cáo Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N bị truy tố về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 56 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và từ 07 đến 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 19 đến 24 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022 ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/11/2021 đến ngày 10/11/2021 của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022 ngày 06/5/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2022.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị N; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị N; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Lê Thị H; xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với các bị cáo, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Trần Văn Đ; xử phạt các bị cáo Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Trần Văn Đ mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với các bị cáo Nguyễn Thị Q và Lê Thị H; xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Q và Lê Thị H mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Văn G; xử phạt bị cáo Lê Văn G từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến 29/3/2022 (03 ngày). Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của BLHS đối với các bị cáo Lê Thị L và Trần Văn P; xử phạt các bị cáo Lê Thị L và Trần Văn P mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 04 quân vị được cắt từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng là công cụ phạm tội; Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 22.260.000đ là số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu tại chiếu bạc và 700.000đ tiền hồ thu của các con bạc là số tiền thu lời bất chính.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G, Lê Thị L và Trần Văn P phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Khoảng 13 giờ ngày 26/3/2022, tại nhà Nguyễn Thị N ở thôn Thạch Bắc, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương; Nguyễn Văn T đã có hành vi tổ chức cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền hồ, T thuê mượn nhà của Nguyễn Thị N làm nơi tổ chức đánh bạc. Nguyễn Thị N đã có hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý sở hữu của mình làm nơi đánh bạc nhằm mục đích thu tiền hồ. Khi các đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N đang đánh bạc tại nhà N dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 22.260.000đ và 700.000đ tiền hồ thu của các con bạc; 04 quân vị được cất từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng.

HĐXX đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*”; tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Hành vi của Nguyễn Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “*Gá bạc*”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” theo điểm c

khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 của BLHS; Nguyễn Thị N về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 của BLHS; các bị cáo Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

- Trong vụ án này các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Văn T đứng ra tổ chức đánh bạc và mượn địa điểm cho các con bạc sát phạt nhau và trực tiếp thu tiền hồ nên T có vai trò độc lập trong vụ án Tổ chức đánh bạc; Nguyễn Thị N phạm tội gá bạc với vai trò độc lập. Trong vụ án đánh bạc Nguyễn Văn T là người chuẩn bị công cụ đánh bạc (04 quân vị, 01 bộ bát đĩa, 01 chiếu cỏi) và người trực tiếp xóc cái và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N là những người trực tiếp đánh bạc nên giữ vai trò ngang nhau thứ 2 trong vụ án đánh bạc.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu ngày 06/5/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 36 tháng tù giam về tội Đánh bạc.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Các bị cáo Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị L, Lê Văn G, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn P, Đậu Thị H, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị N đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo Lê Văn G khi phạm tội đủ 70 tuổi và bản thân bị cáo tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, x khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Các bị cáo Lê Thị L, Trần Văn P tham gia ủng hộ phòng chống dịch covid có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo Nguyễn Thị Q có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương, bị cáo Lê Thị H và Lê Thị H có bố mẹ đẻ tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bị cáo Nguyễn Thị N có thời gian tham gia kháng chiến chống Mỹ nên các bị cáo Lê Thị L, Trần Văn P, Nguyễn Thị Q, Lê Thị H, Lê Thị H và Nguyễn Thị N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Từ những phân tích đánh giá về tính chất của vụ án và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy: Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội đánh bạc, không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, vì vậy cần cách ly bị cáo T khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị N có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này chưa từng vi phạm pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H và Trần Văn Đ có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này chưa từng vi phạm pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo này khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS, cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê Văn G có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đủ 70 tuổi, là người có công với cách mạng có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 36 BLHS cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo tuổi cao, thuộc diện lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Thị L và Trần Văn P có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G.

[5] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị được cắt từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếc cối đã qua sử dụng là công cụ phạm tội; Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 22.260.000đ là số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu tại chiếu bạc và 700.000đ tiền hồ thu của các con bạc là số tiền thu lời bất chính.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn

Đ, Lê Văn G, Lê Thị L và Trần Văn P phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55; Điều 56 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Trần Văn Đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị Q và Lê Thị H.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Lê Văn G.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của BLHS đối với các bị cáo Lê Thị L và Trần Văn P.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”; bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Gá bạc*”; các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G, Lê Thị L và Trần Văn P phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022 ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 55 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/11/2021 đến ngày 10/11/2021 của bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022 ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2022.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 12 (*M hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Các bị cáo Lê Thị H và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo 07(*Bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ mỗi bị cáo 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn G 15(*M lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2022 đến 29/3/2022 (03 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 tháng 21 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được Quyết định thi hành án và bản án có hiệu lực.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Văn G.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị L và Trần Văn P mỗi bị cáo 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Lê Văn G cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị được cất từ cây bài tú lơ khơ, 01 bộ bát đĩa sứ và 01 chiếu cói đã qua sử dụng là công cụ phạm tội.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 22.260.000đ là số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu tại chiếu bạc và 700.000đ tiền hồ thu của các con bạc là số tiền thu lời bất chính.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/8/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0005017 ngày 12/8/2022).

Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Lê Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Đậu Thị H, Nguyễn Văn M, Lê Thị H, Trần Văn Đ, Lê Văn G, Lê Thị L và Trần Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

